

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2022.

V/v ly hôn giữa chị T và anh V.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Quốc Mậu và bà Trần Thị Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kiều T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trọng Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1989.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế V, sinh năm 1984.

Cùng có nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị T và anh V).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13-10-2010. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã M cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau kết hôn, vợ chồng chị T chung sống với nhau tại thôn H, xã M cùng với bố mẹ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh ngày từ khi mới về chung sống

với nhau, đến khoảng 02 năm gần đây thì mâu thuẫn nhiều hơn và vào khoảng tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng chị T bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn đỉnh điểm. Nguyên nhân là do: Chị T và anh V có tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn với nhau về mặt kinh tế, tiền bạc. Vợ chồng chị T không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng chị vẫn sống chung cùng một nhà, ăn cùng một mâm nhưng vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau đã được hai tháng nay.

Nay, chị T xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, bản thân chị T cũng không còn tình cảm tình nghĩa vợ chồng gì với anh V nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, vì vậy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế V.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 và cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013. Hiện nay, các cháu vẫn đang ở cùng với chị và anh V tại xã M. Chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu và theo đó, chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hiện nay chị T đang làm nhân viên – cộng tác viên của tập đoàn V thông Viettel tại huyện V, tỉnh Nam Định. Mức thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Chị T nhận thấy chị có đủ các điều kiện cần thiết để được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau và chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Thế V trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Phạm Thị Huyền T đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M vào ngày 13-10-2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 11 năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng anh chủ yếu là do tính cách của vợ chồng anh không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau về kinh tế, vợ chồng anh thì thoảng có lúc xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng anh vẫn sống cùng một nhà, ăn cơm cùng một mâm nhưng vợ chồng anh đã chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng đầu tháng 11-2022 đến nay. Nay anh xác định anh vẫn còn

tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với chị T, anh rất mong muốn gia đình đoàn tụ và không mong muốn vợ chồng phải ly hôn. Mặc dù vợ chồng anh có phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng cả hai bên đều bỏ qua cho nhau để sống với nhau bình thường. Vì vậy, chị T có kiên quyết ly hôn với anh thì anh vẫn không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 và cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013. Hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng với vợ chồng anh. Nếu ly hôn, anh V cũng tôn trọng nguyện vọng của các con chung và anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh đang làm nhân viên kỹ thuật điện nước ở khu du lịch sinh thái Núi N thuộc xã M, huyện V, tỉnh Nam Định với mức thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Anh tự nhận thấy anh có đủ các điều kiện về sức khỏe để được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh V và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Tại biên bản thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định thể hiện: Anh Phạm Thế V và chị Phạm Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh V và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 13-10-2010 và được UBND xã M cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chồng tại thôn H, xã M. Khoảng năm 2020 thì anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị có tính cách không hợp nhau, luôn luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn với nhau về kinh tế, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng có nhiều lúc cãi nhau. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 và cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013. Hiện nay các cháu vẫn đang chung sống cùng với vợ chồng anh chị tại thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Địa phương nhận thấy anh V và chị T đều có công việc ổn định, có thu nhập ổn định và có sức khỏe để đủ điều kiện để được trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 cho anh Phạm Thế V trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Thế V và chị Phạm Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ, chồng không còn sống hạnh phúc với nhau. Xét điều kiện, vợ, chồng anh chị đã thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị T xác định vợ, chồng không còn khả năng đoàn tụ và bản thân chị đã không còn tình cảm gì với anh V. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị T và anh V đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của

Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T, xử lý hôn giữa chị T và anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 và cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013. Hiện nay các cháu đang sống cùng với vợ chồng chị T anh V.

Xét thấy chị T và anh V đều có sức khỏe và có thu nhập trang trải cuộc sống, hiện nay chị T và anh V có nơi cư trú và có công việc, thu nhập ổn định nên chị T và anh V đều có đầy đủ các điều kiện cần thiết để được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, cháu Phạm Thế Anh T đã trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng với anh V và cháu Phạm Tấn P muốn được ở cùng với chị T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho các cháu được học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh V đều không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Thế Anh T, sinh ngày 24-6-2011 cho anh Phạm Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Giao cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 23-7-2013 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001569 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ, như vậy, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Thế V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiến**